| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TỪ SƠN**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2019.
*V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Xuân Hà

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Đỗ Đức Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn An.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tiến Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Huy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đỗ T K S, S năm 1993; Trú tại: H Q, T G, T S, Bắc Ninh (có mặt).

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn V L, S năm 1984; Trú tại: T T, T S, T S, Bắc Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ T K S trình bày*:

Chị kết hôn với anh Nguyễn V L, S năm 1984; HKTT: T T, T S, T S, Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2016 (âm lịch) thì vợ chồng bắt đầu phát S mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói

chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2016 âm lịch, chị về nhà bố mẹ đẻ tại H Q, T G, T S, Bắc Ninh S sống cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh L và xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn V P Q, S ngày 26/01/2017, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Q, không yêu cầu anh L phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Tài Sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn là anh Nguyễn V L trình bày:*

Anh kết hôn với chị Đỗ T K S, S năm 1993; Trú tại: H Q, T G, T S, Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chị S về nhà bố mẹ đẻ ở H Q, T G, T S, Bắc Ninh S sống từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Từ đó đến nay, chị S không quay về nhà anh; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị S xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị S và thỉnh thoảng anh có sang nhà chị S chơi và thăm con.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn V P Q, sinh ngày 26/01/2017, hiện cháu đang ở với chị S. Ly hôn tôi xin được nuôi cháu Quý và không yêu cầu chị S phải đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài Sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tiến hành hòa giải nhưng phía anh L không lên làm việc. Do vậy Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên toà công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ T K S vẫn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trình bày ở trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn căn cứ Điều 262 Bộ luật tố tụng dân Sự phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân Sự. Bị đơn là anh Nguyễn V L chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân Sự, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân Sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ T K S.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn V P Q, sinh ngày 26/01/2017 cho chị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề đóng góp phí tổn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài Sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm Sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ Sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về tố tụng:** Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn V L có địa chỉ tại T T, T S, T S, Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân Sự năm 2015.

**Về nội dung:** Chị Đỗ T K S và anh Nguyễn V L kết hôn trên cơ Sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng Sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2016 (âm lịch) thì vợ chồng bắt đầu phát S mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc Sống. Vợ chồng Sống ly thân từ tháng 4/2016 âm lịch, chị về nhà bố mẹ đẻ tại H Q, T G, T S, Bắc Ninh S Sống cho đến nay. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Phía anh Nguyễn V L trình bày Sau khi kết hôn, vợ chồng Sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chị S về nhà bố mẹ đẻ ở H Q, T G, T S, Bắc Ninh sinh sống từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Vợ chồng Sống ly thân từ đó cho đến nay, nay chị S xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị S và thỉnh thoảng anh có sang nhà bố mẹ đẻ chị S chơi và thăm con.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ T K S và anh Nguyễn V L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã Sống ly thân từ tháng 4/2016 âm lịch đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, phía anh Nguyễn V L xác định anh vẫn còn tình cảm với chị S và vợ chồng vẫn còn tình cảm nhưng anh L không có phương án nào hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế không tồn tại do hai bên đã Sống ly thân, phía chị Đỗ T K S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh L, nên HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị S được ly hôn với anh L là phù hợp.

**Về con chung:** Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn V P Q, sinh ngày 26/01/2017, hiện cháu đang ở với chị S. Ly hôn chị S xin được nuôi cháu Q, không yêu cầu anh L phải đóng góp phí tổn nuôi con. Anh L cũng xin nuôi cháu Q và không yêu cầu chị S phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Xét yêu cầu về con chung của chị S và anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi chị S và anh L ly thân từ tháng 04/2016 âm lịch cho đến nay thì cháu Nguyễn V P Q vẫn đang được chị S nuôi dưỡng, chăm sóc. Bên cạnh đó, đến thời điểm xét xử cháu Quý chưa đủ 36 tháng tuổi nên khi giải quyết ly hôn con chung được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Quý, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị S và giao cháu Nguyễn V P Q cho chị S tiếp tục trông nom, chăm Sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị S cùng các thành viên gia đình phải tạo điều kiện cho anh L cùng các thành viên gia đình đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Tại phiên tòa hôm nay chị S không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng, đóng góp phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Về tài Sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do chị Đỗ T K S yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân Sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ T K S.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ T K S được ly hôn với anh Nguyễn V L.

**2. Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn V P Q, sinh ngày 26/01/2017 cho chị Đỗ T K S tiếp tục trông nom, chăm Sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn V L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh Nguyễn V L cùng các thành viên gia đình được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về tài Sản chung, công nợ**: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí**: Chị Đỗ T K S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Số: AA/2017/0002113 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân Sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn V L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Bắc Ninh;*
*- VKSND TX Từ Sơn;*
*- Chi cục THADS TX Từ Sơn;*
*- Các đương Sự;*
*- L- u HS, VP;*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Xuân Hà**